

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2026/HC-PT**

Ngày: 24/3/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
 bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 266/2025/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 601/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Long Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn D, xã E (trước là xã C, huyện E), tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 Q, Phường T (trước là Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện (UBND) Ea Kar

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Duy H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn D, xã E (trước là xã C, huyện E), tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV L2; địa chỉ: B N, xã E (trước là thị trấn E, huyện E), tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Kiều Thị L1, chức vụ: Phó Giám đốc công ty TNHH MTV L2; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Long Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Người khởi kiện ông Long Văn T và người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Hữu H, trình bày:**

Hộ gia đình ông Long Văn T bị thu hồi thửa đất số 33, tờ bản đồ số 10 tại Thôn F, xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk để thực hiện công trình tái định cư thuộc dự án Hồ C.

Nguồn gốc thửa đất do gia đình ông T khai hoang, canh tác từ năm 1997. Quá trình sử dụng đất diễn ra ổn định, liên tục, công khai, không có tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Việc sử dụng đất ổn định, lâu dài được chứng minh bằng các tài sản trên đất như 73 cây điều trồng năm 2000, 42 cây điều trồng năm 2002 đã được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng, cùng với sự làm chứng của trưởng thôn, bí thư chi bộ qua các thời kỳ.

Do đó, ông T khẳng định hộ gia đình ông đã sử dụng đất ổn định trước ngày 01/7/2004, nên đủ điều kiện được bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hưởng các chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 và Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013. Kể cả trong trường hợp đất có nguồn gốc lấn, chiếm, việc sử dụng ổn định trước mốc thời gian trên vẫn đủ điều kiện được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, do đó phải được bồi thường khi thu hồi.

Về trình tự thủ tục, người khởi kiện cho rằng quá trình kiểm đếm ban đầu được thực hiện không có sự tham gia của ông, nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc theo đúng quy trình pháp luật mà tự ý thực hiện. Ngoài ra, ông T khẳng định không hề nhận được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013, do đó các tài sản tạo lập sau thời điểm này vẫn phải được bồi thường theo quy định.

Ngày 14/6/2024, ông T nhận được Quyết định thu hồi đất số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và Quyết định phê duyệt bổ sung số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023. Tuy nhiên, các quyết định này không bồi thường về đất, tài sản và các khoản hỗ trợ khác mà chỉ hỗ trợ một phần với lý do thửa đất bị thu hồi có nguồn gốc do hộ

ông T lấn chiếm sử dụng từ năm 2008 là không đúng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất đối với hộ ông Long Văn T.

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ.

- Buộc UBND huyện E (Chủ tịch UBND xã E) phải ban hành quyết định bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông T theo đúng quy định pháp luật.

*** Ông Lê Đình C – Phó chủ tịch UBND huyện E (cũ) là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

Sau khi xem xét đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan, UBND huyện E giữ quan điểm về việc không bồi thường về đất, tài sản và các khoản hỗ trợ cho hộ ông Long Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc đất, người bị kiện khẳng định toàn bộ diện tích đất thu hồi có nguồn gốc là đất do Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV L2 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ. Do Công ty L2 là chủ sử dụng đất hợp pháp, việc xác định thời điểm lấn chiếm của các hộ dân phải dựa trên xác nhận của đơn vị này. Căn cứ Công văn số 54/CV-Cty ngày 07/10/2022 của Công ty TNHH MTV L2 và Giấy xác nhận ban đầu số 16/GXN-UBND ngày 02/11/2022 của UBND xã C, thời điểm hộ ông T bắt đầu lấn, chiếm và sử dụng đất là năm 2009. Đồng thời, hộ ông T không có bất kỳ giấy tờ nào về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Hành vi của ông T thuộc trường hợp "Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm", là một trong các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 64 Luật Đất đai 2013. Theo đó:

Về đất: Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai 2013, Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp này sẽ không bồi thường về đất.

Về tài sản gắn liền với đất: Căn cứ khoản 1, Điều 92 Luật Đất đai 2013, tài sản trên đất thuộc trường hợp thu hồi do vi phạm pháp luật cũng không được bồi thường.

Về các khoản hỗ trợ: Do không đủ điều kiện được bồi thường về đất, hộ ông T cũng không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (theo Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP) và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (theo Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

Từ những căn cứ trên, việc ông Long Văn T yêu cầu hủy các quyết định hành chính và buộc ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở. Người

bị kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại công văn số 150/UBND-KT ngày 24/7/2025 của UBND xã E (do ông Bùi Duy H1 – Phó chủ tịch ký) nêu ý kiến:**

- Về nguồn gốc đất:

+ Khu đất tranh chấp thuộc hạng mục điểm tái định cư số 1 (Khu trồng màu) của dự án Hồ C, đã có Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND từ ngày 28/10/2013.

+ Toàn bộ khu vực này có nguồn gốc là đất do Công ty TNHH MTV L2 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409 cho mục đích sử dụng đất nông nghiệp, với thời hạn sử dụng từ 15/10/1993 đến 15/10/2043. Do đó, chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH MTV L2.

- Về căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất:

+ UBND xã E cho rằng, vì Công ty L2 là đơn vị được Nhà nước giao đất để quản lý, nên thời điểm ông Long Văn T lấn, chiếm đất để sử dụng phải được căn cứ trên cơ sở xác nhận của Công ty.

+ Hộ gia đình ông Long Văn T không có bất kỳ loại giấy tờ nào về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

- Về quan điểm xác nhận thời điểm lấn, chiếm: Dựa trên Công văn số 54/CV-Cty ngày 07/10/2022 của Công ty TNHH MTV L2, UBND xã đã xác nhận hộ gia đình ông Long Văn T lấn, chiếm đất của Công ty vào năm 2008.

Trên cơ sở các nội dung này, UBND xã E đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L trình bày:** Bà L là vợ ông Long Văn T. Bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà không có ý kiến gì khác và đề nghị được giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L2** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2025/HC-ST ngày 11/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 3 Điều 59; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ các Điều 62, 64, 66, 67, 69, 75, 77, 82, 84, 92 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long Văn T:

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C tại xã C huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Long Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E (Chủ tịch UBND xã E) phải phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với diện tích 4081m² của thửa đất số 33; phê duyệt lại phương án hỗ trợ đối với các cây trồng trên diện tích 4081m² của thửa đất số 33 theo mốc thời gian sử dụng đất tháng 3/2004; đồng thời phê duyệt bổ sung phương án hỗ trợ đối với các cây trồng và tài sản vật kiến trúc trên thửa đất số 33 được tạo lập sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 đến thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 cho hộ ông Long Văn T (trừ các cây trồng ngăn ngày).

[2.2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long Văn T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất đối với hộ ông Long Văn T và bác yêu cầu của ông Long Văn T về việc buộc UBND huyện E (Chủ tịch UBND xã E) phải ban hành quyết định bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ ông Long Văn T khi thu hồi thửa đất số 33 tờ bản đồ số 10 tại Thôn F, xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, ông Long Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc người bị kiện bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường, hỗ trợ về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng thời điểm sử dụng đất và theo bảng giá hiện hành.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Long Văn T là ông Phạm Hữu H xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Long Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 30/9/2025, người khởi kiện ông Long Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

Ông Long Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Quyết định số 279); hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Quyết định số 278) và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất (Quyết định số 461) đối với hộ ông Long Văn T, buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Long Văn T. Ngày 10 và 23/12/2024, ông T nộp đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trình bày ông nhận được các quyết định trên vào ngày 14/6/2024. Phía người bị kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện việc tổng đạt các quyết định này cho hộ ông T. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nguồn gốc diện tích đất người khởi kiện bị thu hồi:

Thực hiện dự án Hồ C thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, UBND huyện E đã ban hành Quyết định số 279 về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 thuộc Dự án nêu trên, trong đó, ông Long Văn T là một trong các

hộ dân có diện tích đất đang sử dụng nằm trong Dự án nên bị thu hồi. Tại Quyết định số 279, hộ ông Long Văn T bị thu hồi các thửa đất, cụ thể: thửa đất số 29 diện tích 1.148,4m², thửa đất số 33 diện tích 12.047,9m² đều thuộc mảnh trích đo TĐ10, thôn F, xã C và loại đất CLN.

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông T trình bày xem xét đối với thửa đất số 33 nêu trên; ông cho rằng thửa đất này do gia đình ông khai phá từ năm 1997, sử dụng ổn định từ đó đến nay. Tuy nhiên, ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc gia đình ông khai hoang đất, đồng thời nội dung này không được chính quyền địa phương xác nhận và ông T cũng chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Tại Công văn số 54/Cty (không ghi ngày, tháng) năm 2022 (BL 100, 101), Công ty TNHH MTV L2 xác định các thửa đất bị các hộ gia đình sử dụng lấn chiếm, không có hợp đồng liên kết với Công ty, trong đó có thửa số 33 (số thứ tự 3) của hộ ông T, lấn chiếm năm 2008; đồng thời Công ty G nội dung trường hợp hộ gia đình chứng minh được thời điểm lấn chiếm, canh tác đất trước năm 2009, Công ty sẽ căn cứ hồ sơ và các ban ngành liên quan để xác minh làm rõ thời điểm lấn chiếm, canh tác cho hộ gia đình.

Tại các Kết quả xác nhận nguồn gốc đất số 39/GXN-UBND ngày 26/8/2024 (BL 54) và số 16/GXN-UBND ngày 02/11/2022 (BL 113), UBND xã C xác định thửa đất số 33 hộ ông Long Văn T đang sử dụng có nguồn gốc lấn chiếm của Công ty L2 và là hộ sử dụng đất liên tục, ổn định, trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất này. Trong đó, theo giấy xác nhận nguồn gốc đất số 39 thì hộ ông T sử dụng diện tích 4.081m² lấn chiếm của Công ty từ tháng 3/2004, sử dụng diện tích 7.966,9m² lấn chiếm từ năm 2008 và thời điểm tạo lập trụ gạch trên đất từ năm 2020 còn theo giấy xác nhận nguồn gốc đất số 16 thì hộ ông T sử dụng đất lấn chiếm từ năm 2008.

Biên bản kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 11/10/2022 (BL 104, 105) có sự tham gia của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển tỉnh Đ, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E và Công ty L2 xác định nhiều cây trồng gồm: điều, sầu, xoài, tiêu, bông gòn, ngô trên thửa đất số 33 được trồng từ năm 2015 đến năm 2021.

Như vậy, có căn cứ xác định, diện tích đất trên hộ ông Long Văn T đang sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc do lấn chiếm. Việc hộ ông T sử dụng diện tích đất lấn chiếm mà không bị xử phạt vi phạm hành chính là do sự thiếu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền.

[2.2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.2.1]. Đối với yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên diện tích đất bị thu hồi:

Như nhận định tại mục [2.1] nêu trên của bản án, nguồn gốc diện tích đất hộ ông Long Văn T bị thu hồi là do lấn chiếm của Công ty L2 được nhà nước giao đề quản lý; hộ ông T không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 64 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013, UBND huyện E không bồi thường về đất cho hộ ông T, từ đó không phê duyệt phương án bồi thường đối với cây trồng, tài sản trên diện tích đất bị thu hồi là đúng quy định.

Tuy nhiên, theo các tài liệu xác minh nguồn gốc đất thể hiện hộ ông T lấn chiếm và sử dụng đất vào mục đích nông nghiệp từ các năm 2004, 2008, nay hộ ông T vẫn tiếp tục sử dụng nên được xem xét hỗ trợ về đất, các tài sản, cây trồng trên đất là thỏa đáng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Do đó, kháng cáo yêu cầu bồi thường về đất của ông Long Văn T không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với nội dung hỗ trợ về đất, cây trồng, tài sản trên đất:

Tại các Biên bản kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất ngày 18/8/2022 (BL 108 - 111), Biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 11/10/2022 (BL 104 - 105) và Biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định tỷ lệ phần trăm còn lại của công trình vật kiến trúc gắn liền trên đất ngày 11/10/2022 (BL 106 - 107) thể hiện: thửa đất số 33 của hộ ông T bị thu hồi có các loại cây trồng trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2022, trong đó có 59 cây Điều thường loại A, 11 cây Điều thường loại B, 03 cây Điều thường loại C đều được trồng từ năm 2000; 138 trụ gạch làm trụ tiêu được xây dựng từ năm 2020, tỷ lệ % còn lại là 80%.

Trong khi đó, theo Công văn số 54/Cty và Phụ lục danh sách xác nhận thời điểm lấn chiếm kèm theo xác định hộ ông T lấn chiếm sử dụng thửa đất số 33 từ năm 2008 và Công ty không xác định được thời điểm tạo lập tài sản trên đất lấn chiếm. Theo Kết quả xác nhận nguồn gốc đất số 39 thì đối với thửa đất số 33, hộ ông T lấn chiếm diện tích 4.081m² đất từ tháng 3/2004, lấn chiếm diện tích 7.966,9m² từ năm 2008; còn theo Kết quả xác nhận nguồn gốc đất số 16 thì toàn bộ diện tích đất tại thửa số 33 do hộ ông T lấn chiếm từ năm 2008.

Như vậy, các tài liệu thể hiện thời điểm hộ ông T lấn chiếm đất không đồng nhất, mâu thuẫn nhau nhưng UBND huyện E xác định toàn bộ diện tích thửa đất số 33 bị lấn chiếm từ năm 2008 để bồi thường hỗ trợ về đất 50%, 60% đối với các cây trồng và tài sản tạo lập trước năm 2013, không bồi thường hỗ trợ đối với các cây trồng và tài sản tạo lập trên đất sau năm 2013 là không phù hợp với thực tế sử dụng đất và tài sản đã kiểm đếm thể hiện tại các biên bản nêu trên. Ông T cho rằng, hộ gia đình ông sử dụng đất ổn định từ năm 1997 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ để buộc UBND huyện E (Chủ tịch UBND xã E) phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với diện tích 4.081m² (diện tích xác định lấn chiếm từ tháng 3/2004), phê duyệt lại phương án hỗ trợ đối với

cây trồng trên diện tích 4.081m² đất theo mốc thời gian sử dụng đất tháng 3/2004. Đối với vật kiến trúc trên đất, các cây trồng được hộ ông T tạo lập, trồng sau khi có Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 nhưng không bị cản trở, xử phạt hành chính và UBND không chứng minh được việc tổng đạt thông báo thu hồi đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản là cây trồng, vật kiến trúc được tạo lập sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất số 140 đến thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 279 phải được UBND phê duyệt bổ sung phương án hỗ trợ cho hộ ông T là phù hợp, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông T về yêu cầu bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo đúng thời điểm sử dụng đất và bảng giá hiện hành là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hội đồng xét xử đã nhận định, hộ ông Long Văn T sử dụng đất lấn chiếm, đất của hộ ông T không đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi mà chỉ được hỗ trợ về giá đất nên không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông T là đúng quy định. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của ông T cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Như vậy, kháng cáo của ông Long Văn T đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án; nhận định và đánh giá chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Long Văn T là người dân tộc thiểu số ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Long Văn T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Long Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSYA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên